

HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

Chương 4

cuu duong than cong . com

NỘI DUNG

- *Khái niệm, phân loại*
 - 1. *Khái niệm*
 - 2. *Nội dung, bản chất, cơ chế hình thành*
 - 3. *Phân loại*
- II. *Hệ thống chỉ tiêu đánh giá HQKTNT*
 - 1. *Tiêu chuẩn HQKTNT*
 - 2. *Hệ thống chỉ tiêu*
- III. *Phương pháp xác định một số chỉ tiêu HQKTNT*
 - 1. *Xác định chỉ tiêu HQ tài chính*
 - 2. *Xác định chỉ tiêu HQ KT-XH*
- IV. *Biện pháp nâng cao HQKTNT*

HIỆU QUẢ KTNT – Khái niệm

- Hiệu quả \rightarrow KQ có ích cho XH/ CP để có KQ
- Hiệu quả KTNT \rightarrow KQ có ích cho XH NT mang lại/ CP để có KQ
- Hiệu quả \neq Kết quả
- KN chung, lĩnh vực cụ thể \rightarrow biểu hiện cụ thể

HIỆU QUẢ KTNT – Nội dung, bản chất, cơ chế

- Nội dung → tăng NSLDDXH, tiết kiệm LĐXH, tăng TN quốc dân khả dụng.
- Tạo ra trong SX, thực hiện trong trao đổi
- CPSX trong nước → nền tảng

cuu duong than cong . com

HIỆU QUẢ KTNT – Biểu hiện

- Hiệu quả trao đổi
- Hiệu quả năng suất

cuu duong than cong . com

+ *Hiệu quả cơ cấu*

+ *Hiệu quả tập trung, chuyên môn hóa, HQ tăng theo quy mô*

cuu duong than cong . com

+ *Hiệu quả thay thế*

HIỆU QUẢ KTNT – Phân loại

- HQKT cá biệt & HQKT quốc dân
- HQ CP bộ phận & HQ CP tổng hợp
- HQ tuyệt đối & HQ so sánh

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

HQKTNT – HQKT Cá biệt & HQKT Quốc dân

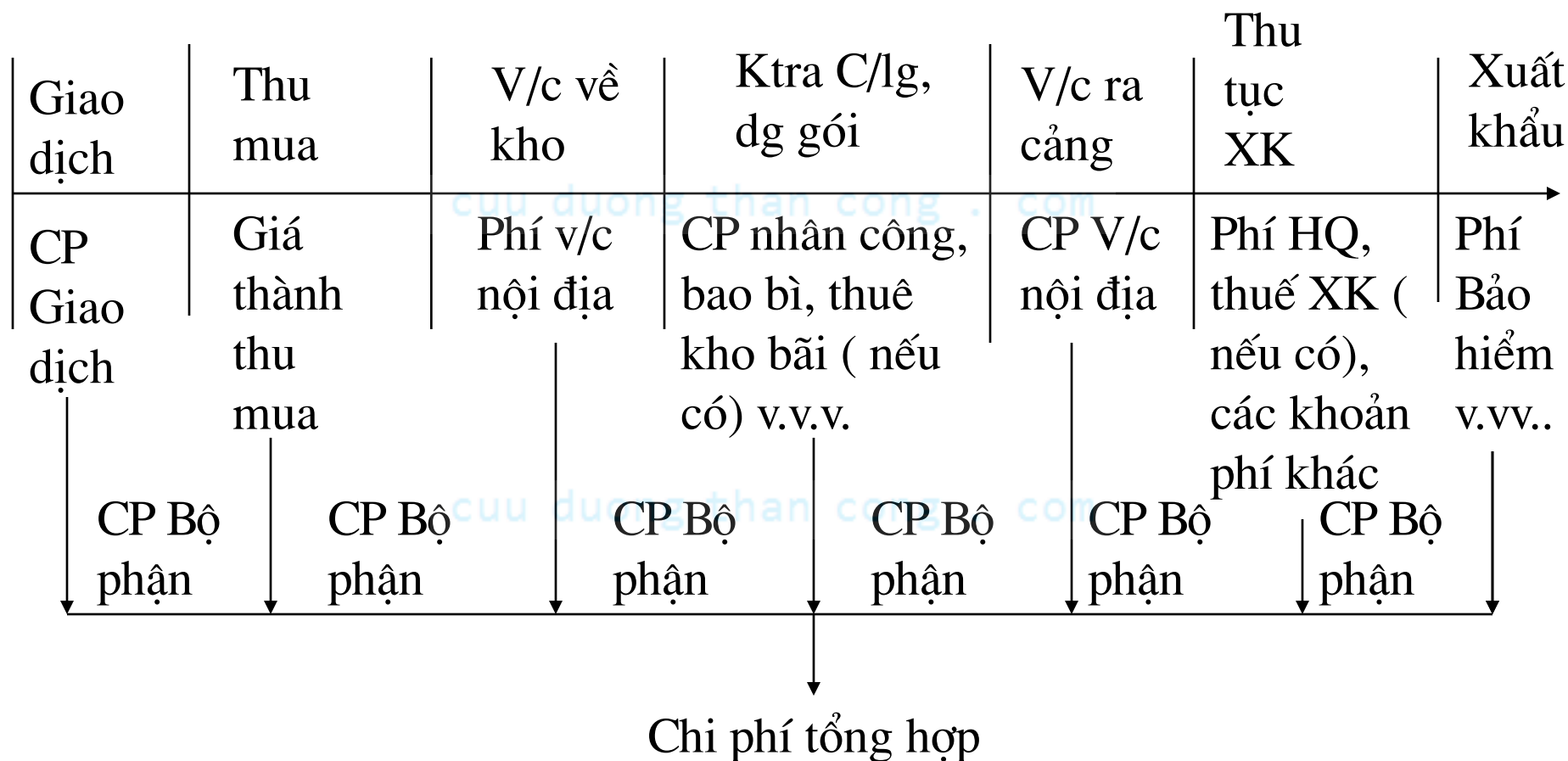
Quan hÖ gi÷a hiÖu qu¶ kinh tÖ c, biÖt vµ hiÖu qu¶ kinh tÖ-x· héi:

ViÖc sx than ë Qu¶ng Ninh húng n¨m xk ®-íc kho¶ng 300 triÖu tÊn than, nguy c¶ng ph, t triÖn ®èi vói ngµnh than mang l¹i hiÖu qu¶ cho ngµnh than, c, c doanh nghiÖp ngµnh than.

Nh-ng nÖu xÐt tói lîi Ých cña toµn x· héi th× viÖc t¨ng tr-êng khai th, c xk than lµm xãi mßn t¶i nguyªn thiªn nhiªn, ®Ó khai th, c ®-íc 300 triÖu tÊn than, ph¶i ®µo sái húng ngµn triÖu tÊn ®Êt ®, vĩa l·ng phÝ lao ®éng, vĩa g©y « nhiÔm m«i tr-êng c¶nh quan thiªn nhiªn do ®ã lµm gi¶m tiÒm n¨ng ph, t triÖn d¶ch vô du l¶ch nh-vÿy xÐt trªn b×nh diÖn toµn b¸ x· héi th× kh«ng mang l¹i hiÖu qu¶ t¸c lµ KH«NG cã hiÖu qu¶ kinh tÖ x· héi.

HQKTNT – HQ CP bộ phận & HQ CP tổng hợp

Một doanh nghiệp thu mua và xuất khẩu cà phê:



HQKTNT – HQ tuyệt đối & HQ so sánh

Cty Vilexim dù @Pnh vµ @-íc cÊp phĐp nhËp khÈu 1000 b×nh năng l¹nh hiÖu

ARISTON: cã 4 ph-ñg ,n kinh doanh

PA1: NK lo¹i 50 lÝt tem vµng

PA3: NK lo¹i 30 lÝt tem vµng

PA2: NK Lo¹i 50 lÝt tem xanh PA4: NK lo¹i 30 lÝt tem xanh

HiÖu qu¶ tuyÖt @èi: l-îng hiÖu qu¶ tÝnh cho tång ph-ñg ,n

VD: $HQPA = \text{Doanh thu b,n hụng trªn thÞ tr-êng néi/ chi phÝ NK}$

HiÖu qu¶ t-ñg @èi: so s,nh c,c l-îng hiÖu qu¶ tuyÖt @èi cña 4 PAKD vói nhau.

VD: $HQ \text{ t-ñg @èi} = HQPA1 - HQPA2; \text{ hoÆc } = HQPA3/HQPA4$

L-u ý: @«i khi viÖc x,c @Pnh chØ tiªu hiÖu qu¶ so s,nh kh«ng phô thuéc vµo hiÖu qu¶ tuyÖt @èi.

VD: so s,nh gi÷a c,c mÛc chi phÝ, hay doanh thu cña c,c ph-ñg ,n kh,c nhau @Ó chän ph-ñg ,n cã chi phÝ thÊp nhÊt, DT cao nhÊt.

HIỆU QUẢ KTNT – Tiêu chuẩn HQ

- Căn cứ cơ bản, chủ yếu → nhận thức đúng đắn
- Mặt chất của HQ
- Bản chất → mức độ tăng NSLĐXH
- Biểu hiện gián tiếp → hệ thống chỉ tiêu

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

HIỆU QUẢ KTNT – Hệ thống chỉ tiêu – tổng hợp

- Tương quan TNQD SX & TNQD được sử dụng

$$HQ_{NT} = N_V / N_P$$

$N_V \rightarrow$ TNQD được sử dụng

$N_P \rightarrow$ TNQD được SX

$HQ_{NT} > 1 \rightarrow$ tăng TNQD, ngược lại

- Điều kiện TM

$$T_C = P_{x1}/P_{x0} : P_{n1}/P_{n0}$$

$T_C \rightarrow$ DDKTM (tỷ lệ TĐ)

$x, n \rightarrow$ chỉ số giá XK, NK

$1,0 \rightarrow$ Thời kì tính toán, thời kì gốc

$T_C > 1 \rightarrow$ cải thiện các QHTĐ, ngược lại

HIỆU QUẢ KTNT – Hệ thống chỉ tiêu – cụ thể

- Chỉ tiêu lợi nhuận XNK
- Chỉ tiêu SS giá XNK Vs giá QT
- Chỉ tiêu SS DT XK Vs giá thành XK
- Chỉ tiêu SS DT NK Vs CP NK
- Chỉ tiêu SS giá cả NK các mặt hàng, thị trường, đối tác
- Chỉ tiêu HQ XNK kết hợp

HIỆU QUẢ KTNT – Hiệu quả tài chính

- Tính bằng tiền/ ghi chép kế toán
- 2 trường hợp : có tín dụng & không có tín dụng
- Có tín dụng → mua bán chịu → giá trị thời gian của tiền
- Không tín dụng → DT & CP phát sinh gần nhau → không phát sinh giá trị TG của tiền

Hiệu quả tài chính – không có tín dụng – tỷ suất ngoại tệ XK

$$R_{XK} = DT_{XK} (\text{ngoại tệ}) / CP_{XK} (\text{nội tệ})$$

$R_{XK} \rightarrow$ tỷ suất NT XK

$DT_{XK} \rightarrow$ doanh thu XK = ngoại tệ

$CP_{XK} \rightarrow$ chi phí XK = nội tệ

Có 1 đv ngoại tệ \rightarrow ??? đv nội tệ

$R_{XK} < e_{ASK} \rightarrow$ hiệu quả; ngược lại không hiệu quả

Hiệu quả tài chính – không có tín dụng – tỷ suất ngoại tệ XK

Cty XNK C trong năm 2005, tổng DTXK đạt 8,95 triệu USD. Tổng CP đầu vào liên quan đến mua bán số SP XK trên đây là 104.740 triệu VNĐ. Xác định tỷ suất NTXK?

cuu duong than cong . com

Hiệu quả tài chính – không có tín dụng – tỷ suất ngoại tệ NK

$$R_{NK} = DT_{NK} (\text{nội tệ}) / CP_{NK} (\text{ngoại tệ})$$

$R_{NK} \rightarrow$ tỷ suất NT NK

$DT_{NK} \rightarrow$ doanh thu NK = nội tệ

$CP_{NK} \rightarrow$ chi phí NK = ngoại tệ

Mất 1 đv ngoại tệ \rightarrow ??? đv nội tệ

$R_{NK} > e_{BID} \rightarrow$ hiệu quả; ngược lại không hiệu quả

Hiệu quả tài chính – không có tín dụng – tỷ suất ngoại tệ NK

Cty XNK C trên dùng một phần số tiền XK thu được để NK 3.300 tấn U- rê giá CIF (Hải Phòng) là 643.260 USD. CP NK liên quan đến bán lô hàng trên thị trường nội địa 3.180 triệu VNĐ. Lô hàng trên được bán thu về 15.120 triệu VNĐ. Tỷ giá 1 USD = 14.100 VNĐ. Xác định tỷ suất NTNK?

Hiệu quả tài chính – không có tín dụng – lợi nhuận & tỷ suất lợi nhuận

- Dạng tuyệt đối: $P = D - CP$
- Chưa đầy đủ \rightarrow tỷ suất lợi nhuận
- 03 chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận
 - + Trên giá thành P_Z
 - + Trên doanh thu P_D
 - + Trên vốn kinh doanh P_V

Hiệu quả tài chính – không có tín dụng – lợi nhuận & tỷ suất lợi nhuận

- Tính trên giá thành - P_Z

$$P_Z = P/Z$$

$Z \rightarrow$ giá thành

- Tính trên doanh thu - P_D

$$P_D = P/D$$

$D \rightarrow$ doanh thu

- Tính trên vốn KD - P_V

$$P_V = P / (V_{cd} + V_{ld})$$

$V_{cd} \rightarrow$ giá trị còn lại BQ của TSCĐ trong kỳ

$V_{ld} \rightarrow$ số dư vốn lưu động BQ trong kỳ

| Bảng cân đối TS cty C đv triệu VND | 31/12/2004 | 31/12/2005 |
|-------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản | 100.967 | 145.131 |
| Tài sản lưu động | 95.317 | 138.397 |
| -Vốn bằng tiền | 17.937 | 7.506 |
| -Đầu tư ngắn hạn | | |
| -Các khoản phải thu | 14.350 | 13.138 |
| -Ứng trả trước | 530 | 732 |
| -Hàng tồn kho | 62.500 | 117.021 |
| -Chi sự nghiệp | | |
| Tài sản cố định | 5.650 | 6.734 |
| Tài sản cố định hữu hình | 8.249 | 9.241 |
| Hao mòn tài sản cố định | 2.599 | 2.507 |
| Nguồn vốn | 100.967 | 145.131 |
| Nợ phải trả | | |
| -Nợ ngắn hạn | 777.220 | 100.021 |
| -Nợ dài hạn | | |
| Vốn chủ sở hữu | | |
| -Vốn – quỹ | 23.747 | 45.110 |
| •Vốn kinh doanh | 14.900 | 16.829 |
| • Quỹ phát triển kinh doanh | 3.600 | 2.978 |
| • Lãi chưa phân phối | 2.270 | 24.320 |
| • Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.650 | 490 |
| • Vốn đầu tư XDCB | 1.327 | 500 |

Bảng thu nhập hoạt động XNK của cty C; đv triệu VND/ triệu USD

| | XK | NK | Tổng |
|----------------------------|-------------|-----------|-------------|
| + Doanh thu | 126.190 | 15.120 | 141.310 |
| - Trị giá bằng ngoại tệ | 8,95 | --- | |
| - Trị giá bằng VND | 126.190 (1) | 15.120 | |
| + Chi phí | 104.740 | 12.250 | 116.990 |
| - Mua hàng | 90.864 | 9.070 | 99.934 |
| - Phí lưu thông trong nước | 10.096 | 1.060 | 11.156 (2) |
| - Phí lưu thông ngoài nước | 2.520 | 310 | 2.830 |
| - Thuế các loại | 1.260 | 1.810 | 3.070 |
| + Lãi thuần từ HĐKD | 21.450 | 2.870 | 24.320 |

(1) Tỷ giá mua, bán trung bình của các NHTM 14.100 VND/1 USD

(2) Trong đó: tiền lương, phụ cấp lương CBCNV: 2.670

Dựa vào 02 bảng ở trên tính toán

- Tỷ suất lợi nhuận trên giá thành
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn

cuu duong than cong . com

- Tỷ suất lợi nhuận theo doanh thu

cuu duong than cong . com

Hiệu quả tài chính – có tín dụng

- Doanh thu & chi phí phát sinh khác thời điểm → giá trị thời gian của tiền
- Giá trị thời gian của tiền → khác số lượng; cùng bản chất KT [cuu duong than cong . com](http://cuuduongthancong.com)
- Đo bằng lãi tức & lãi suất
- Lãi tức = tổng vốn tích lũy – vốn gốc
- Lãi suất = Lãi tức trong 1 đv thời gian/vốn gốc (%) [cuu duong than cong . com](http://cuuduongthancong.com)
- Chính xác → quy DT&CP cùng một thời điểm

Hiệu quả tài chính – có tín dụng – 02 phương pháp tính lãi suất & lãi tức

- Lãi tức đơn

$$I = P.i.t$$

$I \rightarrow$ lãi tức đơn

$P \rightarrow$ số vốn vay

$i \rightarrow$ lãi suất đơn

$t \rightarrow$ thời hạn tín dụng

- Lãi tức ghép – thường áp dụng trong thực tiễn

$$P_t = P (1+i)^t$$

$P_t \rightarrow$ vốn tích lũy tại thời điểm t

$P \rightarrow$ vốn vay

$i \rightarrow$ lãi suất ghép

$t \rightarrow$ thời hạn tín dụng

Hiệu quả tài chính – có tín dụng – 02 phương pháp tính lãi suất & lãi tức

Một DN NK 100.000 USD hàng hóa, trả chậm trong 05 năm. Tính lãi phải trả cho chủ nợ nếu

1. Lãi suất đơn $i = 5\%$
2. Lãi suất ghép $i = 5\%$

Hiệu quả tài chính – có tín dụng – 02 phương pháp tính HQKT

- **Giá trị tương lai** → quy DT & CP về cùng thời điểm trong tương lai

$$P_t = P (1+i)^t$$

P_t → vốn tích lũy tại thời điểm t

P → vốn vay

i → lãi suất ghép

t → thời hạn tín dụng

- **Hiện giá** → quy DT & CP về cùng thời điểm hiện tại

$$P = P_t / (1+i)^t$$

P_t → vốn tích lũy tại thời điểm t

P → vốn vay

i → lãi suất chiết khấu

t → thời hạn tín dụng

Hiệu quả tài chính – có tín dụng – 02 phương pháp tính HQKT

Cty XNK X có doanh thu XK một lô hàng trị giá 300.000 USD. Lô hàng có thời gian thanh toán là 05 năm. Lãi chiết khấu 5% năm.

Chi phí SX và dịch vụ TM XK của lô hàng 1.378 triệu VNĐ.

Tính tỷ suất ngoại tệ XK?

Hiệu quả tài chính – có tín dụng – 02 phương pháp tính HQKT

Cty XNK X nhập khẩu một lô hàng thiết bị điện tử trị giá 300.000 USD, chi phí liên quan đến việc NK lô hàng 837 triệu VNĐ.

Công ty bán lô hàng cho cty Y thu được 13.540 triệu VNĐ, thời hạn thanh toán 4 năm.

Tỷ giá BQ tại các NHTM 20.000 VNĐ/1 USD

Hệ số HQ vốn KTQD (K_v) là 10 %

Tính tỷ suất ngoại tệ NK?

HIỆU QUẢ KTNT - Hiệu quả KT – XH

- Xác định ở tầng vĩ mô → lợi ích của toàn xã hội
- Xác định dựa trên các hiệu quả tài chính → điều chỉnh
- Mục tiêu của DN → lợi nhuận
- Mục tiêu của XH → phúc lợi xã hội

HIỆU QUẢ KTNT - Hiệu quả KT – XH vs HQTC

- Quy mô lợi nhuận
 - + Lợi nhuận TC = DTTC – Tổng CPTC
 - + Lợi nhuận KT = DTTC – Tổng CPKT = DTTC – (Tổng CPTC + CPCH + CP chìm) = LNTC – (CPCH + CP chìm).
- Thuế, Lương, Trợ giá, Bù giá
 - + Thuế
 - + Lương, tiền công
 - + Trợ giá, bù giá

HIỆU QUẢ KTNT - Hiệu quả KT – XH vs HQTC

Một công ty TN có số vốn 800 triệu VNĐ. Báo cáo KQ hoạt động KD trong kỳ (1 năm):(triệu đồng)

| | |
|-----------------|-------|
| A. Doanh thu | 2.000 |
| B. Tổng chi phí | 1.700 |

Trong đó:

| | |
|--------------------------------|-------|
| - Giá vốn HH tiêu thụ | 1.200 |
| - Tiền công trả cho NV | 200 |
| - Tiền thuê nhà cửa, tiện nghi | 200 |
| - Tiền thuế | 100 |
| C. Lợi nhuận (HQTC) | 300 |

HIỆU QUẢ KTNT - Hiệu quả KT – XH vs HQTC

Thu nhập của Cty trên tính theo CP KT, đơn vị:
triệu đồng

| | |
|--------------------|--------------|
| (1) Doanh thu | 2.000 |
| (2) Tổng CP | 1.908 |
| - CP KD (kế toán) | 1.700 |
| - CP TG của chủ | 40 |
| - CPCH của vốn | 168 (21% NH) |
| (3) LNKT (HQKT) | 92 |

Phương pháp xác định HQKT-XH

- **Giá trị HH gia tăng**

Giá trị gia tăng = Lãi ròng + Lương + Thuế - Trợ giá, bù giá

- **Hiệu quả KT của vốn**

$H_v = GTGT / \text{Vốn KD BQ trong năm}$

- **Tăng thu và tiết kiệm ngoại tệ**

Tăng thu ngoại tệ = Thu ngoại tệ do XK – CP ngoại tệ cho NK

Tiết kiệm ngoại tệ = CP ngoại tệ nếu NK – CP ngoại tệ cần NK

- **Mức đóng góp vào ngân sách NN**

Những biện pháp chủ yếu nâng cao HQKTNT

- (1) Nghiên cứu môi trường QT của DN
- (2) Đánh giá thực trạng tiềm năng của DN
- (3) Không vội vã quyết định
- (4) Xác định chiến lược KD
- (5) Chính sách, cơ chế quản lý NT thuận lợi
- (6) Đào tạo, xây dựng đội ngũ các nhà KD giỏi